HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SRI LANKA

VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka (sau đây gọi là "các Bên ký kết"),

Mong muốn tạo các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hợp tác kinh tế giữa hai nước và cụ thể cho đầu tư của nhà đầu tư một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, và

Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết,

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" nghĩa là mọi loại tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư liên quan đến hoạt động kinh tế trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã được chấp thuận phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó, và kể cả những tài sản bao gồm hoặc dưới hình thức:

a) Cổ phần, cổ phiếu của công ty, và các hình thức góp vốn khác, trái phiếu, các giấy nợ, và các hình thức nợ khác trong công ty, các khoản nợ, khoản vay khác và chứng khoán do nhà đầu tư của một Bên ký kết phát hành;

b) Các quyền đòi tiền hoặc quyền đối với việc thực hiện hợp đồng có giá trị kinh tế;

c) Các quyền sở hữu trí tuệ, kể cả quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hoá, sáng chế, kiểu dáng và mẫu công nghiệp, quy trình kỹ thuật, bí quyết, bí mật kinh doanh, tên thương mại và uy tín kinh doanh;

d) Bất kỳ quyền nào theo luật, hợp đồng hoặc quyền có được từ bất kỳ giấy phép hoặc sự cho phép nào theo luật, kể cả các quyền thăm dò, tìm kiếm, tinh chế hoặc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên;

e) Bất kỳ tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản, và bất kỳ quyền về tài sản nào khác có liên quan, như cho thuê, thế chấp, cầm cố và cầm giữ.

Để rõ ràng hơn, đầu tư theo Hiệp định này không bao gồm các quyền đòi tiền phát sinh thuần túy từ:

(i) các hợp đồng thương mại về bán hàng hoá hoặc dịch vụ của công dân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của một Bên ký kết cho doanh nghiệp trên lãnh thổ của Bên ký kết kia; hoặc

(ii) việc cấp khoản tín dụng liên quan đến giao dịch thương mại, như cho vay thương mại.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức của tài sản hoặc các quyền tài sản đã được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư của chúng với điều kiện là sự thay đổi đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" đối với mỗi Bên ký kết có nghĩa là:

a) thể nhân có quốc tịch của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó;

b) pháp nhân được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của Bên ký kết đó, như công ty, hợp danh, quỹ tín thác, liên doanh, hiệp hội hoặc doanh nghiệp.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là các khoản thu được từ đầu tư, bất kể được thanh toán dưới hình thức nào, và cụ thể nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lợi tức, thu nhập từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền, và phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật, các khoản thanh toán hoặc phí khác, và các khoản thanh toán bằng hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" có nghĩa là:

a) Đối với Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

b) Đối với Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka, là lãnh thổ đất liền, vùng nội thủy, lãnh hải của Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka và các vùng biển ngoài lãnh hải, kể cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà theo pháp luật quốc gia hiện hành hoặc luật pháp quốc tế, đã được hoặc có thể được quy định là thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka, với mục đích tìm kiếm và khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đó.

5. Thuật ngữ "đồng tiền tự do chuyển đổi" có nghĩa là bất cứ đồng tiền nào mà Quỹ tiền tệ quốc tế, trong từng thời kỳ, xác định là đồng tiền tự do sử dụng phù hợp với Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế và các sửa đổi của Điều lệ này.

ĐIỀU 2
PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Hiệp định này được áp dụng đối với các khoản đầu tư do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia mà đã được đầu tư từ thời điểm trước khi hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực và đã được chấp thuận bằng văn bản phù hợp với pháp luật và chính sách của Bên ký kết đó.

2. Hiệp định này không áp dụng đối với các tranh chấp đầu tư phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, hoặc đối với các tranh chấp đầu tư đã được giải quyết, hoặc đang trong quá trình giải quyết theo thủ tục tư pháp hoặc trọng tài trước thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) thuế;

b) mua sắm của Chính phủ;

c) các khoản trợ cấp hoặc tài trợ của một Bên ký kết; và

d) các dịch vụ do cơ quan có liên quan hoặc cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết cung cấp nhằm thực thi quyền hạn của Chính phủ. Với mục đích của Hiệp định này, dịch vụ được cung cấp nhằm thực thi quyền hạn của Chính phủ được hiểu là bất kể dịch vụ nào được cung cấp không dựa trên cơ sở thương mại hoặc không dựa trên cơ sở cạnh tranh với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 3
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết phải khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ nước mình, và tiếp nhận

các khoản đầu tư đó tùy thuộc vào việc thực hiện thẩm quyền theo pháp luật của mình.

2. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết phải luôn được đối xử công bằng, bình đẳng và phải được bảo hộ đầy đủ, an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Không Bên ký kết nào được sử dụng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử bằng bất kỳ cách nào để gây phương hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình.

ĐIỀU 4
ĐỐI XỬ ĐẦU TƯ

1. Liên quan đến việc sử dụng, quản lý, điều hành, hoạt động, mở rộng, bán hoặc định đoạt bằng cách khác đầu tư do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ, theo quy định của pháp luật nước mình, dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ trên lãnh thổ nước mình sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và đầu tư của họ trong những hoàn cảnh tương tự (Đối xử Quốc gia).

2. Liên quan đến việc sử dụng, quản lý, điều hành, hoạt động, mở rộng, bán hoặc định đoạt bằng cách khác đầu tư do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào trong những hoàn cảnh tương tự (Đối xử Tối huệ quốc).

3. Những quy định tại Điều này không được hiểu là bắt buộc một trong các Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

a) Bất kỳ liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, khu vực thương mại tự do, liên minh tiền tệ, hoặc hình thức hiệp định kinh tế khu vực hoặc song phương khác hay hiệp định quốc tế tương tự khác mà mỗi Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên,

b) Bất kỳ hiệp định quốc tế, khu vực hoặc song phương nào hay các thoả thuận tương tự khác hoặc bất kỳ quy định pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

ĐIỀU 5
BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Trong trường hợp đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết bị thiệt hại do chiến tranh, xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, bạo loạn, khởi nghĩa, nổi loạn, hoặc sự kiện tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết kia dành sự đối xử, liên quan đến việc hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư nước mình hay nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tuỳ thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư.

ĐIỀU 6
TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU

1. Đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, trừ trường hợp vì mục đích công cộng và phải bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và có hiệu quả. Việc tước quyền sở hữu sẽ được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử phù hợp với pháp luật của Bên ký kết thực hiện việc tước quyền sở hữu.

2.Việc bồi thường này sẽ tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm tước quyền sở hữu hoặc tại thời điểm thông báo việc tước quyền sở hữu, tuỳ thuộc thời điểm nào đến trước, và sẽ có hiệu lực thanh toán. Việc bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

Khoản bồi thường sẽ bao gồm tiền lãi theo lãi suất LIBOR, kể từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày trả tiền.

Khi không xác định được giá trị thị trường nêu trên của khoản đầu tư, tiền bồi thường sẽ được xác định theo các nguyên tắc công bằng, có tính đến tất cả các yếu tố và tình tiết liên quan, như vốn đầu tư, bản chất và thời hạn đầu tư, giá trị thay thế, giá trị theo sổ sách và uy tín kinh doanh.

3. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và khoản 2 nói trên, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ thực hiện theo pháp luật

của Bên Ký kết tước quyền sở hữu liên quan đến điều kiện và khoản tiền bồi thường cho việc tước quyền sở hữu.

Để rõ ràng hơn, việc trả tiền bồi thường cho các công trình xây dựng gắn liền với đất, bao gồm nhà cửa và cơ sở hạ tầng, sẽ được thực hiện theo khoản 1 và 2 nêu trên.

4. Nhà đầu tư của một Bên ký kết bị ảnh hưởng bởi việc tước quyền sở hữu sẽ có quyền được cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác của Bên Ký kết kia xem xét nhanh chóng lại vụ việc của mình và việc định giá khoản đầu tư phù hợp với các nguyên tắc của Điều này và pháp luật của Bên Ký kết tước quyền sở hữu.

5. Khi một Bên Ký kết tước quyền sở hữu về tài sản của một công ty được thành lập và tổ chức theo pháp luật của nước mình, mà trong đó nhà đầu tư của Bên Ký kết kia sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc các hình thức tham gia khác, các quy định của Điều này sẽ được áp dụng đối với phần sở hữu của nhà đầu tư đó trong công ty nói trên.

ĐIỀU 7
CHUYỂN RA NƯỚC NGOÀI CÁC KHOẢN THANH TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết, tùy thuộc pháp luật của mình, đảm bảo cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia được chuyển tự do vào hoặc ra ngoài lãnh thổ của mình các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư, bao gồm:

a) Vốn ban đầu và bất kỳ khoản vốn bổ sung nào để duy trì, quản lý và phát triển đầu tư;

b) Các khoản thu nhập;

c) Các khoản thanh toán theo hợp đồng, bao gồm việc trả dần tiền vốn và lãi luỹ kế phát sinh từ hợp đồng vay;

d) Tiền bản quyền và phí đối với các quyền theo Điều 1 khoản 1 (c);

e) Các khoản thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;

f) Các khoản thu nhập và các khoản tiền khác của nhân viên thu được từ nước ngoài liên quan đến đầu tư;

g) Các khoản thanh toán bồi thường theo các Điều 5 và 6;

h) Các khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Việc chuyển tiền được thực hiện theo tỷ giá của đồng tiền được chuyển có hiệu lực áp dụng vào ngày chuyển tiền trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

3. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và 2, một Bên ký kết có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền trên cơ sở áp dụng các quy định pháp luật của mình một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện chí trong các trường hợp liên quan đến:

a) phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc bảo vệ quyền của chủ nợ;

b) phát hành, kinh doanh, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn, hoặc sản phẩm phái sinh khác;

c) tội phạm hoặc vi phạm hình sự và thu hồi thu nhập do phạm tội mà có;

d) báo cáo tài chính hoặc giữ sổ sách về các khoản chuyển tiền khi cần thiết nhằm hỗ trợ thi hành pháp luật hoặc hỗ trợ cơ quan quản lý tài chính;

e) đảm bảo việc tuân thủ các quyết định và phán quyết theo thủ tục hành chính và tư pháp; và

f) thuế;

g) an sinh xã hội, chế độ hưu trí công, hoặc chương trình tiết kiệm bắt buộc;

h) trợ cấp thôi việc của người lao động.

4. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và 2, một Bên ký kết có thể áp dụng hạn chế đối với việc chuyển các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư trong trường hợp gặp hoặc có nguy cơ gặp khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán. Các hạn chế này phải công bằng, không phân biệt đối xử và được áp dụng có thiện chí để giảm tác động tiêu cực đến việc tự do chuyển tiền quy định trong Hiệp định này.

ĐIỀU 8
THẾ QUYỀN

1. Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được Bên ký kết đó chỉ định ("Bên thanh toán"), thực hiện thanh toán theo một hợp đồng thanh toán hoặc bảo

lãnh mà Bên đó đã đảm nhận liên quan đến khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia ("Nước tiếp nhận đầu tư"), Nước tiếp nhận đầu tư phải công nhận:

a) Việc chuyển giao cho Bên thanh toán theo pháp luật hoặc theo các giao dịch hợp pháp tất cả các quyền và khiếu nại phát sinh từ khoản đầu tư đó;

b) Quyền của Bên thanh toán được thực hiện tất cả các quyền đó và đảm bảo thực hiện các khiếu nại đó và đảm nhận tất cả các nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư phát sinh từ việc thế quyền.

2. Bên thanh toán, trong mọi trường hợp, được hưởng sự đối xử như nhà đầu tư ban đầu đối với:

a) Các quyền, khiếu nại có được và các nghĩa vụ do Bên thanh toán tiếp nhận từ việc chuyển giao theo khoản 1 trên đây;

b) Bất kỳ khoản thanh toán nào nhận được theo các quyền và khiếu nại đó như nhà đầu tư ban đầu có được theo Hiệp định này đối với các khoản đầu tư có liên quan.

ĐIỀU 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào phát sinh trực tiếp từ đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến cáo buộc vi phạm nghĩa vụ của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư theo Hiệp định này đối với việc quản lý, điều hành, hoạt động, bán hoặc định đoạt bằng cách khác khoản đầu tư của nhà đầu tư này, và đã gây ra thiệt hại hoặc tổn thất đối với khoản đầu tư đó sẽ, trong chừng mực có thể, giải quyết bằng hòa giải thông qua đàm phán giữa các bên tranh chấp.

2. Nếu bất kỳ tranh chấp nào nêu trên không được giải quyết trong thời hạn (6) sáu tháng kể từ ngày tranh chấp được nhà đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết đó, vụ tranh chấp có thể được đưa ra giải quyết tại:

a) Toà án có thẩm quyền của Bên ký kết mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết đó; hoặc

b) Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (Trung tâm) được thành lập theo Công ước Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965 về giải quyết

các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác với điều kiện hai Bên ký kết đều là thành viên của Công ước này; hoặc

c) Cơ chế phụ trợ của Trung tâm nếu chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước Washington; hoặc

d) Trọng tài ad hoc, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thoả thuận khác, được thành lập theo các Quy tắc trọng tài của Uỷ ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).

Một khi nhà đầu tư đã đưa vụ tranh chấp ra giải quyết theo bất kỳ thủ tục nào được quy định trên đây, thì sự lựa chọn thủ tục đó là cuối cùng.

Để chắc chắn hơn, các quy định về đối xử Tối huệ quốc trong Hiệp định này không bao gồm yêu cầu phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia việc thực hiện các thủ tục giải quyết tranh chấp khác với các quy định trong Hiệp định này.

3. Việc đệ trình vụ tranh chấp ra trọng tài theo quy định tại khoản 2 phải đáp ứng điều kiện là việc đệ trình đó được thực hiện trong thời hạn (2) năm tính từ thời điểm nhà đầu tư trong vụ tranh chấp đã biết, hoặc có lý do để biết về vi phạm nghĩa vụ theo Hiệp định này và thiệt hại hoặc tổn thất đã gây ra đối với nhà đầu tư hoặc đầu tư của nhà đầu tư đó.

4. Hội đồng trọng tài ra quyết định phù hợp với các quy định của Hiệp định này, pháp luật của Bên ký kết có liên quan trong vụ tranh chấp trên lãnh thổ nơi đầu tư được thực hiện (bao gồm các nguyên tắc về xung đột pháp luật), các điều kiện trong các thỏa thuận cụ thể về đầu tư và các nguyên tắc có liên quan của luật pháp quốc tế.

5. Trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng trọng tài hoặc trong thời gian thi hành các quyết định của trọng tài, không một Bên ký kết nào có quyền kiện ngược để biện hộ với lý do nhà đầu tư của Bên ký kết kia trong vụ tranh chấp đã nhận hoặc sẽ nhận được khoản đền bù hoặc khoản bồi thường khác cho toàn bộ hoặc một phần thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm, bảo lãnh thanh toán hoặc bồi thường khác.

6. Bất kỳ quyết định nào của trọng tài được đưa ra theo quy định của Điều này là chung thẩm và ràng buộc các bên tranh chấp, và phải được thi hành phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết mà quyết định được thi hành trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

ĐIỀU 10
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Các Bên ký kết, trong chừng mực có thể, sẽ giải quyết bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định này thông qua tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng kể từ ngày việc tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác theo yêu cầu của mỗi Bên ký kết được đưa ra và trừ khi các Bên ký kết có thoả thuận khác bằng văn bản, mỗi Bên ký kết có thể, thông qua việc thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia, đưa tranh chấp ra giải quyết tại một hội đồng trọng tài ad hoc phù hợp với các quy định sau đây của Điều này.

3. Hội đồng trọng tài sẽ được thành lập như sau: mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên, và hai thành viên này sẽ thoả thuận về một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch hội đồng trọng tài để các Bên ký kết chỉ định. Các thành viên này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng, và Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng bốn tháng, kể từ ngày một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia ý định đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà trọng tài.

4. Nếu các thời hạn nêu tại khoản 3 không được tuân thủ, mỗi Bên ký kết có thể, trong trường hợp không có thoả thuận khác, mời Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp hiệp quốc tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Toà án quốc tế Liên hợp quốc là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do khác không được thực hiện chức năng này, Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do nào khác không được thực hiện chức năng này, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết.

5. Hội đồng trọng tài sẽ ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định đó phải phù hợp với Hiệp định này và các quy tắc được thừa nhận của luật pháp quốc tế có liên quan và là chung thẩm, ràng buộc với cả hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên do mình chỉ định trong hội đồng trọng tài, cũng như các chi phí cho đại diện của mình trong các thủ tục trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch cũng như các chi phí khác trong thủ tục trọng tài do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên hội đồng trọng tài có

thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn hoặc toàn bộ chi phí đó. Đối với tất cả các vấn đề khác, hội đồng trọng tài tự quyết định thủ tục của mình.

ĐIỀU 11
ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Nếu các nghĩa vụ của một Bên ký kết theo các hiệp định quốc tế đang tồn tại hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết ngoài Hiệp định này chứa đựng quy định, bất kể là chung hay cụ thể, dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định tại Hiệp định này, các điều khoản đó sẽ, trong chừng mực tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

ĐIỀU 12
HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

Mỗi Bên ký kết sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về việc hoàn tất các yêu cầu pháp lý để Hiệp định có hiệu lực và Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng.

ĐIỀU 13
THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm, sau đó sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi được chấm dứt theo khoản (2) của Điều này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia trước một (1) năm vào giai đoạn kết thúc mười (10) năm đầu hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó.

3. Liên quan đến các khoản đầu tư đã được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này, các quy định của tất cả các Điều khoản khác của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2009 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Sinhala và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về việc áp dụng và giải thích các điều khoản của Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SRI LANKA**
Võ Hồng Phúc	**Anura Priyadarshana Yapa**
Bộ trưởng	**Bộ trưởng Bộ Phát triển**
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	**Doanh nghiệp và Xúc tiến Đầu tư**

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF SRI LANKA

FOR THE PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka (hereinafter referred to as the "Contracting Parties"),

Desiring to create favorable conditions for the development of economic cooperation between them and in particular for investments by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party, and

Recognizing that the promotion and reciprocal protection of such investments will be conducive to the stimulation of business initiative and to the increase of prosperity in both Contracting Parties,

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purposes of this Agreement:

1. The term "investment" shall mean every kind of asset in the territory of one Contracting Party invested in connection with an economic activity by an investor of the other Contracting Party and admitted in accordance with the laws

and regulations of that former Contracting Party, and includes asset consisting or taking the form of:

(a) a company shares, stocks, and other forms of equity participation, and bonds, debentures, and other forms of debt interests in a company, and other debts and loans and securities issued by any investor of a Contracting Party;

(b) claims to money or to any performance pursuant to contract having an economic value;

(c) intellectual property rights, including copyrights, trademarks, patents, industrial designs and patterns and technical processes, know-how, trade secrets, trade names and goodwill;

(d) any right conferred by law, contract or by virtue of any licenses or permits granted pursuant to law, including rights to prospect, explore, extract, or utilize natural resources;

(e) any other tangible and intangible; movable and immovable property, and any related property rights, such as leases, mortgages, liens and pledges.

For greater certainty, an investment for the purpose of this agreement does not include claims to money deriving solely from:

(i) commercial contracts for sale of goods or services by a national or enterprise in the territory of a Party to an enterprise in the territory of the other Party; or

(ii) the extension of credit in connection with a commercial transaction, such as trade financing.

Any change in the form in which assets or rights are invested or reinvested shall not affect their character as investments provided that such change is in accordance with the laws and regulations of the host Contracting Party.

2. The term "investor" with respect to a Contracting Party shall mean:

(a) a natural person holding the nationality of that Contracting Party in accordance with its applicable laws;

(b) a legal person constituted or incorporated under laws and regulations of that Contracting Party, such as corporation, partnership, trust, joint-venture, association or enterprise.

3. The term "returns" shall mean amounts yielded by an investment, irrespective of the form in which they are paid, and in particular, though not exclusively, include profits, interest, capital gains, dividends, royalties, and management,

technical assistance or other payments or fees, and payments in kind, regardless of its type.

4. The term "territory" shall mean:

   (a) As regards the Socialist Republic of Viet Nam, refers to its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Viet Nam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law.

   (b) As regards the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka, its land territory, internal waters and territorial sea of the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka, as well as the maritime zones beyond the territorial sea, including the seabed and subsoil which in accordance with its national laws in force and international law, has been or may hereafter be designated as an area over which the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka exercises sovereign rights or jurisdiction, for the purpose of exploration and exploitation of the natural resources of such areas.

5. The term "freely convertible currency" shall mean any currency that the International Monetary Fund determines, from time to time, as freely usable currency in accordance with the Articles of Agreement of the International Monetary Fund and any amendment thereto.

Article 2
Scope of Application

1. This Agreement shall apply to investments made by investors of a Contracting Party in the territory of the other Contracting Party prior to as well as after the entry into force of this Agreement and which have been specifically approved in writing by the host Contracting Party, subject to its relevant laws, regulations and policies.

2. This Agreement shall not apply to investment disputes arising out of events which occurred, or to investment disputes which had been settled, or which were already under judicial or arbitral process, prior to the entry into force of this Agreement.

3. This Agreement shall not apply to:

   (a) taxation;

   (b) government procurement;

(c) subsidies or grants provided by a Contracting Party; and

(d) services supplied in the exercise of governmental authority by the relevant body or authority of a Contracting Party. For the purposes of this Agreement, a service supplied in the exercise of governmental authority means any service, which is supplied neither on a commercial basis nor in competition with one or more service suppliers.

Article 3
Promotion and Protection of Investments

1. Each Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for investors of the other Contracting Party to make investments in its territory, and, subject to its right to exercise powers conferred by its laws, shall admit such investment.

2. Investments of investors of each Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in the territory of the other Contracting Party. Neither Contracting Party shall in any way impair by unreasonable or discriminatory measures the management, maintenance, use, enjoyment or disposal of investments in its territory of investors of the other Contracting Party.

Article 4
Treatment of Investments

1. With respect to the use, management, conduct, operation, expansion and sale or other disposition of investments made in its territory by investors of the other Contracting Party, each Contracting Party shall, subject to its laws and regulations, in its territory accord to investors of the other Contracting Party and their investments treatment no less favourable than that it accords, in like circumstances, to its own investors and their investments ('national treatment').

2. With respect to the use, management, conduct, operation, expansion and sale or other disposition of investments made in its territory by investors of the other Contracting Party, each Contracting Party shall in its territory accord to investors of the other Contracting Party and their investments treatment no less favorable than that it accords, in like circumstances, to investors of any third state and their investments ('most favored nation treatment").

3. The provision of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from:

(a) any customs union, economic union, free trade area, monetary union, or other form of regional or bilateral economic agreement or other similar international agreement, to which either of the Contracting Parties is or may become a party,

(b) any international, regional or bilateral agreement or other similar arrangement or any domestic legislation relating wholly or mainly to taxation.

Article 5
Compensation for Losses

When investments made by an investor of either Contracting Party suffers a loss owing to war or other armed conflict, a state of national emergency, revolt, civil disturbances, insurrection, riot or other similar events in the territory of the other Contracting Party, the investor shall be accorded by the latter Contracting Party, treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, no less favourable than that the latter Contracting Party accords to its own investors or investors of any third state, whichever is more favorable to the investor.

Article 6
Expropriation

1. Investments of investors of one Contracting Party shall not be nationalized, expropriated in the territory of the other Contracting Party except for a public purpose and against prompt, adequate and effective compensation. The expropriation shall be carried out on a non-discriminatory basis in accordance with the laws and regulations of the expropriating Contracting Party.

2. Such compensation shall amount to the market value of the expropriated investments at the time of its expropriation or at the time of announcement of such expropriation, whichever is the earlier, and shall be effectively realizable. Compensation shall be made in a freely convertible currency.

   Such compensation shall include interest at the LIBOR-rate, from the date of expropriation until the date of payment.

   Where the above-mentioned fair market value cannot be readily ascertained, the compensation shall be determined on equitable principles taking into account all relevant factors and circumstances, such as the capital invested, the nature and duration of the investment, replacement value, book value and goodwill.

3. Notwithstanding paragraph 1 and 2 above, any measure of expropriation relating to land shall be subject to laws and regulations of the expropriating Party concerning the terms of such expropriation and the payment of compensation.

   For greater certainty, payment of compensation for developments attached to land, including building and infrastructure shall be treated in accordance with paragraph 1 and 2 above.

4. Investors of one Contracting Party affected by expropriation shall have a right to prompt review by a judicial or other independent authority of the other Contracting Party, of their case and of the valuation of their investments in accordance with the principles set out in this Article and the laws and regulations of expropriating Contracting Party.

5. Where a Contracting Party expropriates the assets of a Company, which is incorporated or constituted under its laws and regulations, and in which investors of the other Contracting Party own shares, debentures or other forms of participation, the provisions of this Article shall be applied to their portion in such company.

Article 7
Transfer of Payments Related to Investments

1. Each Contracting Party shall, subject to its laws and regulations, guarantee to investors of the other Contracting Party the free transfer of payments in connection with an investment into and out of its territory, including the transfer of:

   (a) the initial capital and any additional capital for the maintenance, management and development of the investment;

   (b) returns;

   (c) payments under a contract, including amortization of principal and accrued interest payments made pursuant to a loan agreement;

   (d) royalties and fees for the rights referred to in Article 1 paragraph 1 (c);

   (e) proceeds from the sale or liquidation of the whole or any part of the investment;

   (f) earnings and other remuneration of personnel engaged from abroad in connection with the investment;

   (g) payments of compensation pursuant to Article 5 and 6;

(h) payments arising out of the settlement of disputes.

2. Transfers shall be made at the prevailing market rate of exchange in the host Contracting Party on the date of transfer for the currency to be transferred.

3. Notwithstanding paragraphs 1 and 2, a Party may prevent or delay a transfer through the equitable, non-discriminatory, and good faith application of its laws and regulations relating to:

   (a) bankruptcy, insolvency, or the protection of the rights of creditors;

   (b) issuing, trading, or dealing in securities, futures, options, or derivatives;

   (c) criminal or penal offences and the recovery of the proceeds of crime;

   (d) financial reporting or record keeping of transfers when necessary to assist law enforcement or financial regulatory authorities;

   (e) ensuring compliance with, orders or judgments in judicial or administrative proceedings;

   (f) taxation;

   (g) social security, public retirement, or compulsory savings schemes; and

   (h) severance entitlements of employees.

4. Notwithstanding paragraphs 1 and 2, a Party may in the event of serious balance-of-payments difficulties or a threat thereof, adopt restrictions on transfer of payments related to investments. The restrictions shall be equitable, non-discriminatory and applied in good faith so as to minimize the adverse effects on the free transfer of payments ensured by this Agreement.

Article 8
Subrogation

1. If a Contracting Party or its designated agency (the "Indemnifying Party"), makes a payment under an indemnity or guarantee it has assumed in respect of an investment in the territory of the other Contracting Party (the "Host State"), the Host State shall recognize:

   (a) the assignment to the Indemnifying Party by law or by legal transaction of all the rights and claims resulting from such an investment;

(b) the right of the Indemnifying Party to exercise all such rights and enforce such claims and to assume all obligations related to the investment by virtue of subrogation.

2. The Indemnifying Party shall be entitled in all circumstances to the same treatment in respect of:

(a) the rights and claims acquired and the obligations assumed by it by virtue of the assignment referred to in paragraph 1 above;

(b) any payments received in pursuance of those rights and claims, as the original investor was entitled to receive by virtue of this Agreement in respect of the investment concerned.

Article 9
Settlement of Disputes Between a Contracting Party and an Investor

1. Any legal dispute arising directly out of an investment, between a Contracting Party and an investor of the other Contracting Party concerning an alleged breach of an obligation of the former under this Agreement related to the management, conduct, operation or sale or other disposition of investment of the investor, and which causes loss or damage to that investment shall, as far as possible, be settled amicably through negotiations between the parties to the dispute.

2. If any such dispute cannot be settled within six (6) months following the date on which the dispute has been raised by the investor through written notification to the Contracting Party, the dispute may be submitted to:

(a) the competent court of the Contracting Party in the territory of which the investment has been made; or

(b) the International Center for Settlement of Investment Disputes (the "Center") established pursuant to the Washington Convention of 18 March 1965 on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of Other States provided both Contracting Parties are parties to the said Convention; or

(c) the Additional Facility of the centre, if only one of the Contracting Parties is a signatory to the Washington Convention; or

(d) an ad hoc arbitral tribunal which, unless and otherwise agreed upon by the parties to the dispute, shall be established under the Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL).

Once the investor has submitted the dispute under any of the procedures stipulated above, that choice is final.

For greater certainty, the Most Favoured Nation Treatment provision in this Agreement does not encompass a requirement to extend to the investors of the other Contracting Party dispute settlement procedures other than those set out in this Agreement.

3. The submission of a dispute to arbitration under paragraph 2 shall be conditional upon the submission of the dispute to such arbitration taking place within two (2) year's of the time at which the disputing investor became aware, or should reasonably have become aware, of a breach of an obligation under this Agreement and, of the loss or damage incurred by the disputing investor or its investment.

4. The arbitration tribunal shall take its decision, in accordance with the provisions of this Agreement, the laws and regulations of the Contracting Party involved in the dispute on which territory the investment is made (including its rules on the conflict of law), the terms of any specific agreement concluded in relation to the particular investment involved and the relevant principles of international law.

5. Neither Contracting Party shall have the right to make counter claim, as a defense, at any stage of arbitration or within the execution of arbitration decision for the reason that the investor of the other Contracting Party in the dispute has received or will receive, pursuant to all insurance or guarantee contract, indemnification or other compensation for all or part of any alleged loss.

6. Any arbitral award rendered pursuant to this Article shall be final and binding on the parties to the dispute and shall be executed in accordance with national law of the Contracting Party in whose territory the award is relied upon.

Article 10
Settlement of Disputes between the Contracting Parties

1. The Contracting Parties shall, as far as possible, settle any dispute concerning the interpretation or application of this Agreement through consultations or other diplomatic channels.

2. If the dispute has not been settled within six months following the date on which such consultations or other diplomatic channels were requested by either Contracting Party and unless the Contracting Parties otherwise agree in writing, either Contracting party may, by written notice to the other Contracting Party, submit the dispute to an *ad hoc* arbitral tribunal in accordance with the following provision of this Article.

3. The arbitral tribunal shall be constituted as follows: each Contracting Party shall appoint one member, and these two members shall agree upon a national of a third state as Chairman of the arbitral tribunal to be appointed by the two Contracting Parties. Such members shall be appointed within two months, and such Chairman within four months, from the date on which either Contracting Party has informed the other Contracting Party that it intends to submit the dispute to an arbitral tribunal.

4. If the periods specified in paragraph 3 above have not been complied with, either Contracting Party may, in the absence of any other arrangement, invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointments. If the President of the International Court of Justice is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President of the Intentional Court of Justice shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President of the International Court of Justice is a national of either Contracting Party or if he, too, is prevented from discharging the said function, the member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

5. The arbitral tribunal shall take its decision by a majority of votes. Such decision shall be made in accordance with this Agreement and such recognized rules of international law as may be applicable and shall be final and binding on both Contracting Parties. Each Contracting Party shall bear the costs of the member of the arbitral tribunal appointed by that Contracting Party, as well as the costs for its representation in the arbitration proceedings. The expenses of the Chairman as well as any other costs of the arbitration proceedings shall be borne in equal parts by the two Contracting Parties. However, the arbitral tribunal may, at its discretion, direct a higher proportion or all of such costs be paid by one of the Contracting Parties. In all other respects, the arbitral tribunal shall determine its own procedure.

Article 11
Application of Other Rules

If the obligations under international agreements existing at present or established hereafter between the Contracting Parties, in addition to this Agreement, contain rules, whether general or specific, entitling investment by investors of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided for by this Agreement, such rules shall to the extent that they are more favorable to the investor prevail over this Agreement.

Article 12
Entry into Force

Each Contracting Party shall notify the other in writing when its constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled, and the Agreement shall enter into force on the thirtieth day after the date of receipt of the later notification.

Article 13
Duration and Termination

1. This Agreement shall remain in force for a period of ten (10) years, and shall continue in force, unless terminated in accordance with paragraph (2) of this Article.

2. Either contracting Party may, by giving one (1) year written notice to the other Contracting Party, terminate this agreement at the end of the initial ten (10) year period or anytime thereafter.

3. With respect to investments made or acquired prior to the date of termination of this Agreement, the provisions of all of the other Articles of this Agreement shall continue to be effective for a period of ten (10) years from such date of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in duplicate at Hanoi, on 22nd October 2009 in the Vietnamese, Sinhala and English languages, all texts being equally authentic. In the case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	**For the Government of the Democratic Socialist Republic of Sri Lanka**
Vo Hong Phuc Minister of Planning and Investment	Anura Priyadarshaha Yapa Minister of Enterprise Development and Investment Promotion

ආයෝජන ප්‍රවර්ධනය සහ සුරක්ෂණ කිරීම සඳහා වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව සහ ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව අතර ගිවිසුමයි

වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව සහ ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ ආණ්ඩුව (මෙහි මින්මතු " ගිවිසුම්කාර පාර්ශව " ලෙස හැඳින්වෙන);

ඔවුන් අතර ආර්ථික සහයෝගිතාව වර්ධනය කිරීම සඳහා, විශේෂයෙන් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජකයන් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශය තුළ සිදු කරන ආයෝජනය සඳහා, හිතකර තත්ත්ව ඇති කිරීමේ අභිලාෂයෙන් ; සහ

එවැනි අයෝජන ප්‍රවර්ධනය කිරීම සහ අන්‍යෝන්‍ය වශයෙන් සුරක්ෂණ කිරීම, ව්‍යාපාර ආරම්භ කිරීම දිරි ගැන්වීමට හිතකර වන බවත් ගිවිසුම්කාර දෙපාර්ශවයේම සෞභාග්‍යට වාසි වන බවත් අවබෝධ කර ගනිමින්,

මෙසේ ගිවිස ගනියි:

1 වැනි වගන්තිය
අර්ථ දැක්වීම්

මෙම ගිවිසුමේ කාර්යය සඳහා :

1. " ආයෝජන " යන්නෙන්,

එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජකයෙක් ආර්ථික කටයුත්තක් සම්බන්ධයෙන් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශය තුල ආයෝජනය කරන හා එම අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ නීති හා රෙගුලාසි වලට අනුකූලව පිළි ගන්නා සහ පහත සඳහන් හෝ පහත සඳහන් ස්වරූපය ගන්නා සියලු ආකාර වූ වත්කම් අදහස් කළ යුතුය.

(අ) සමාගම් කොටස්, ස්කන්ධ සහ වෙනත් ආකාර වූ සමාගම් කොටස් සහ බැදුම්කර සෘණකර සහ

වෙළඳ සමාගමක අනෙකුත් ණය පොළි ආකාර යන ගිණුම්කාර පාර්ශවයේ කවර හෝ ආයෝජකයෙකු ලබා දෙන අනෙකුත් ණය සහ ණය දාන සඟ සුරුකුම්පත්;

(ආ) මුදල් වලට හෝ ගිවිසුම් අනුව ආර්ථික වටිනාකමක් ඇති යම් ඉටු කිරීමකට හෝ හිමිකම් පෑම් ;

(ඇ) ප්‍රකාශන හිමිකම්, වෙළඳ ලකුණු, පේටන්ට් බලපත්‍ර, කාර්මික සැලසුම් සහ මෝස්තර සහ තාක්ෂණික කාර්යය පිළිබඳ දැනුම, වෙළඳ රහස්, වෙළඳ නාම සහ කීර්ති නාම ඇතුව බුද්ධිමය දේපල අයිතිවාසිකම්,

(ඈ) ස්වාභාවික සම්පත් වාසි ලබා ගැනීමට, ගවේෂණය කිරීමට, නිශ්කර්ශණය කිරීමට හෝ භාවිතා කිරීමට ඇති අයිතීන් ඇතුලුව නීතියෙන්, ගිවිසුමක් යටතේ හෝ නීතිඥකාරව ලබාදුන් බලපත්‍ර හෝ අවසරපත් හෝ මගින් පවරන ලද හෝ ඕනෑම අයිතියක්;

(ඉ) ස්පර්ශනීය සහ අස්පර්ශනීය ; චංචල සහ නිශ්චල දේපළ සහ බදු, උකස්, කැප අයිති සහ ඔසප්පු වැනි ඕට අදාල දේපළ අයතීන්.

(i) නියවිත වශයෙන්ම මෙම ගිවිසුමේ අරමුණ, යදහා වන ආයෝජනයකට, පාර්ශවයකට අයත් රටවැසියෙකු හෝ එහි දේශසීමාව තුල පිහිට සමාගමක් හෝ අනෙක් පාර්ශවයේ දේශය තුළ පිහිට සමාගමක් වෙත භාණ්ඩ හෝ සේවා විකිණීම සදහා වන වාණිජ ගිවිසුම් වලින්

(ii) වෙළඳ, කටයුතු සදහා මුදල් යෙදවීම වැනි වාණිජමය ගනුදෙනුවක් හා සම්බන්ධ වන ණය පහසුකම් දිර්ඝ කිරීමෙන්

පමණක් උපයන මුදල් සඳහා හිමිකම් පදනම් ඇතුලත් නොවේ.

වත්කම් හෝ අයිතිවාසිකම් හෝ අයෝජනය කරන හෝ නැවත ආයෝජනය කරන ආකාරයේ සිදුවන යම් වෙනසක් හෝ එම වෙනස යත්කාරක ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ නීති හා රෙගුලාසි වලට අනුකූල වන තාක් දුරට ආයෝජන වල ස්වරූපය කෙරෙහි බල නොපානු ඇත.

2. ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් සම්බන්ධයෙන් " ආයෝජකයා " යන්නෙන්,

(අ) ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයකට අදාළ වන නීති වලට අනුකූලව එම ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ජාතිකත්වය ඇති ස්වාභාවික පුද්ගලයෙකු ;

(ආ) සංස්ථා, තවුල් ව්‍යාපාර, හාර, ඒකාබද්ධ ව්‍යාපාර, සංගම් හෝ ව්‍යාපාර වැනි එම ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ නීති හා රෙගුලාසි යටතේ සංස්ථාපනය කළ හා සංස්ථා ගත කළ නෛතික පුද්ගලයෙකු අදහස් කෙරේ.

3. "ප්‍රතිලාභ " යන්නෙන්, මුදල් ගෙවන ස්වරූපය නොසලකමින්, ආයෝජනයකින් උපදින මුදල් අදහස් වන අතර එයට විශේෂයෙන්ම එහෙත් තනිකරම නොව, ඒ අයෝජන වලින් උපදින ලාභ, පොළි, ප්‍රාක්ධන වැඩිවීම්, ලාභාංශ, නිෂ්පාදන බාග සහ කළමණාකරණය හා තාක්ෂණික සහාය හෝ අනෙකුත් ගෙවීම් හෝ ගාස්තු සහ ද්‍රව්‍ය වල සුවරූපය නොසලකා ද්‍රව්‍ය වලින් සිදු කරන ගෙවීම් ද, ඊට ඇතුලත් වේ.

4. දේශ සීමාව යන්නෙන්,

(අ) වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය සම්බන්ධයෙන්, වියට්නාම සමාජවාදී ජනරජය එහි දේශීය ව්‍යවස්ථා සහ ජාත්‍යන්තර නීති වලට අනුකූලව ස්වෛරීභාවය, ස්වෛරී අයිතිවාසිකම් සහ අධිකරණ බලය ක්‍රියාත්මක කරන එකී භෞතිකම දුපත්, අභ්‍යන්තර ජලාශ, එහි දේශීය ජල තීරය සහ පට ඉහලින් පිහිට වායුගෝලය ද, එහි දේශීය ජල තීරයෙන් ඔබ්බට පිහිට සමුද්‍රික ප්‍රදේශයේ මුහුදු, පත්ල සහ යටපසද,

(ආ) ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය සම්බන්ධයෙන්, ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජයේ අභ්‍යන්තර ජලය සහ දේශීය ජල තීරය මෙන්ම එහි ක්‍රියාත්මක වන දේශීය නීති වලට සහ ජාත්‍යන්තර නීතියට අනුකූලව, ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී ජනරජය, ස්වාභාවික සම්පත් ගවේශණය කිරීම් හා උපයෝජනය කිරීම අරමුණ සදහා ස්වෛරී අයිතිවාසිකම් හෝ අධිකරණ බලය හෝ ක්‍රියාත්මක කරන දේශයක් ලෙස නම්කර නිබෙන හෝ මින්මතු නම් කරන ප්‍රදේශයේ මුහුදු, පත්ල සහ යටපස ඇතුළුව දේශීය ජල තීරයෙන් ඔබ්බට ඇති සාගර කලාප අදහස් කෙරේ.

5. "නිදහසේ හුවමාරු කළ හැකි මුදල්" යන්නෙන් ජාත්‍යන්තර මූල්‍ය අරමුදල් ගිවිසුමේ වගන්ති වලට සහ එයට කරන ඕනෑම සංශෝධනයකට අනුකූලව, නිදහසේ හුවමාරු කළ හැකි මුදල් ලෙස කලින් කලට ජාත්‍යන්තර මූල්‍ය අරමුදල තීරණය කරන ඕනෑම මුදල් වර්ගයක් අදහස් කෙරේ.

2 වැනි වගන්තිය
අදාළ කර ගැනීමේ විෂය පථය

1. සත්කාරක ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය විසින් එහි අදාළ නීති, රෙගුලාසි සහ ප්‍රතිපත්තිවලට යටත්ව සත්කාරක ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය විසින් විශේෂයෙන් ලිඛිතව අනුමත කරනු ලැබ ඇති සහ මෙම ගිවිසුම බලාත්මක වීමට පෙර මෙන්ම බලාත්මක වීමෙන් පසුව එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජකයන් විසින් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශය තුළ සිදුකල ආයෝජන සඳහා මෙම ගිවිසුම අදාල කර ගත යුතුය.

2. මෙම ගිවිසුම බලාත්මක වීමට පූර්වයෙන්, ඇති වූ සිදුවීම් සම්බන්ධයෙන් පැන නැගි ආයෝජන ආරවුල් හෝ විසඳන ලද ආයෝජන ආරවුල් හෝ අධිකරණ හෝ බේරුම් කාරක ක්‍රියාවලි යටතේ දැනටමත් පවතින ආරවුල් සම්බන්ධයෙන් මෙම ගිවිසුම අදාළ නොකර ගත යුතුය.

3. (අ) බදු, අය කිරීම ;
(ආ) රජයේ ප්‍රසම්පාදනය කටයුතු ;
(ඇ) ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් විසින් ලබාදෙනු ලබන සහනාධාර හෝ ප්‍රදාන; සහ
(ඈ) ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක අදාළ ආයතනය හෝ බලධාරියා විසින් රජයේ අධිකාරී බලය ක්‍රියාත්මක කිරීමේදී ලබා දෙන සේවා ; සඳහා මෙම ගිවිසුම අදාල නොකර ගත යුතුය. මෙම ගිවිසුමේ කාර්යය සඳහා ; රජයේ අධිකාරී බලය ක්‍රියාත්මක කිරීමේදී ලබාදෙන සේවයක් යනුවෙන් අදහස් වන්නේ, වාණිජ පදනමක් මත හෝ එක් සේවා සපයන්නෙක් හෝ වැඩි දෙනෙක් හෝ සමග තරගකාරීත්වයෙන් හෝ ලබා නොදෙන ඕනෑම සේවාවකි.

3 වැනි වගන්තිය
ආයෝජන ප්‍රවර්ධනය හා සුරක්ෂා කිරීම

1. එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය, අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජන තම දේශය තුල සිදු කිරීමට අනෙක් පාර්ශවයේ ආයෝජනයන් දිරිමත් කළ යුතු අතර, ඒ සඳහා හිතකර තත්ත්ව ඇතිකළ යුතුය. එහි නීති ඉඩ කඩ සලසා ඇති බලතල ක්‍රියාත්මක කිරීමේ අයිතියට යටත්ව එම ආයෝජන සිදු කිරීමට ඉඩදිය යුතුය.

2. එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජනයන්ගේ අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශය තුළ ඇති ආයෝජන සඳහා සියලු අවස්ථාවලදී යුක්ති සහගත වූත් සාධාරණ වූත් ආකාරයෙන් සැලකිය යුතු අතර, ඒ ආයෝජන වලට අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය විසින් පූර්ණ ආරක්ෂාව හා සුරක්ෂාව ලබාදිය යුතුය. ගිවිසුම්කාර පාර්ශවවලින් කුමන හෝ පාර්ශවයක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජනයන් තම දේශය තුළ සිදු කරන ආයෝජන වල කළමණාකාරීත්වයට, ඒවා පවත්වාගෙන යාමට, ප්‍රයෝජනයට ගැනීමට, ඒවා භුක්ති විඳීමට හෝ ඉවත් කිරීමට අසාධාරණ හා පසුගාමී ක්‍රියාමාර්ග මගින් කිසිදු, අන්දමකින් හානියක් නොකළ යුතුය.

4 වැනි වගන්තිය
ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් දක්වන සැලකිල්ල

1. එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් තම දේශ සීමාව තුල අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන් සිදු කරන ආයෝජන උපයෝගීතාවක්, කළමණාකරනයක්, මෙහෙයවීමක්, ක්‍රියාත්මක කිරීමක්, පුළුල් කිරීමක් සහ විකිණීමක් හෝ ඒ හා සම්බන්ධ වෙනත් සැලසුමක් සම්බන්ධයෙන්, ඒ හා සමාන අවස්ථා වලදී තමන්ගේම ආයෝජකයන් සහ ඔවුන්ගේ ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් දක්වන සැළකිල්ලට නොඅඩු සැළකිල්ලක් තම දේශ සීමාව තුලදී හා තම නීති රීති වලට යටත්ව, අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන් හා ඔවුන්ගේ ආයෝජන වලට ලබාදිය යුතු වේ. (ජාතිකත්ව සැළකිල්ල)

2 එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක්, තම දේශ සීමාව තුල අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන් සිදු කරන ආයෝජන උපයෝගීතාවක්, කළමණාකරනයක්, මෙහෙයවීමක්, ක්‍රියාත්මක කිරීමක්, පුළුල් කිරීමක් සහ විකිණීමක් හෝ ඒ හා සම්බන්ධ වෙනත් සැලසුමක් සම්බන්ධයෙන්, ඒ හා සමාන අවස්ථා වලදී, වෙනත් තෙවන රටක ආයෝජකයන් සහ ඔවුන්ගේ ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් දක්වන සැළකිල්ලට නොඅඩුව සැළකිල්ලක් තම දේශ සීමා තුලදී, තෙවන රාජ්‍යයක ආයෝජකයන්ට හෝ ඔවුන්ගේ ආයෝජන වලට ලබාදිය යුතු වේ. (එඩාත් චාසිදායක සැළකිල්ල - සමානව ලබාදීම)

3. මෙම වගන්තියේ සඳහන් විධි විධාන මගින්,

(අ) එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් පාර්ශවකරු වන හෝ විය හැකි කවර හෝ තිරු සාමග්ගියක් ආර්ථික සංගමයක්, නිදහස් වෙළඳ කලාපයක්, මූල්‍ය සංගමයක් හෝ අන්‍ය ආකාර වූ කලාපිය හෝ අවිපාර්ශවික හෝ ආර්ථික ගිවිසුමක් හෝ ඒ හා සමාන වෙනත් ජාත්‍යන්තර ගිවිසුමක්,

(ආ) සම්පූර්ණයෙන්ම හෝ ප්‍රධාන වශයෙන් බදු අය කිරීම පිළිබඳව වූ කවර හෝ ජාත්‍යන්තර කලාපිය හෝ ද්වි පාර්ශවික ගිවිසුමක් හෝ ඒ හා සමාන වෙනත් ගිවිසුමක් හෝ කවර හෝ දේශීය ව්‍යවස්ථාවක් හෝ

හේතු කොටගෙන පැන නගින සැළකිල්ලකින්, ප්‍රමුඛතාවකින් හෝ වරප්‍රසාදයකින් අත්වන ප්‍රතිලාභයක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජකයන් වෙත ලබාදීම සඳහා අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය බැඳී සිටින බවක් අදහස් නොවේ.

5 වැනි වගන්තිය
පාඩු සඳහා වන්දි

එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක දේශ සීමාවේ හට ගන්නා හා යුද්ධයක් හෝ වෙනත් සන්නද්ධ ගැටුමක් හෝ ජාතික හදිසි අවස්ථා තත්ත්වයක්, විප්ලවයක්, සිවිල් අරගලයක් හෝ කැරැල්ලක් හෝ කැරලි කෝලාහලයක් හෝ වෙනත් ඒ හා සමාන සිද්ධියක් හේතුකොටගෙන අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන්ගේ ආයෝජනවලට පාඩු සිදු වේ නම් පළමු කී ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය, එකී ආයෝජනකයන්ගේ මෙම පාඩු යථා තත්ත්වයට පත් කිරීමේ දී, හානි පූරණය කිරීමේදී, වන්දි ලබාදීමේදී හෝ වෙනත් ආකාරයකින් සමථයකට පත් කිරීමේදී තම රටේ ආයෝජකයන්ට හෝ තෙවන රාජ්‍යයක ආයෝජකයන්ට ලබා දෙන සැලකිල්ලට නොඅඩු සැලකිල්ලක් ලබාදිය යුතු වේ.

6 වැනි වගන්තිය
හිමිකම් පවරා ගැනීම

1. එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජනා, පොදු අරමුණකට හැර සහ කඩිනම්, ප්‍රමාණවත් හා යෝග්‍ය වන්දි ප්‍රදානයකින් තොරව අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශ සීමාව තුළ දී ජනසතු කිරීම හෝ ඒවායේ හිමිකම් පවරා ගැනීමකට යටත් කිරීම හෝ නොකළ යුතුය. හිමිකම් පවරා ගැනීමක්, හිමිකම් පවරා ගන්නා ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ නීති රීතිවලට අනුකූලවද වෙනස්කමකින් තොරව ද සිදු කළ යුතු වේ.

2. එකී වන්දි, හිමිකම් පවරා ගන්නා අවස්ථාවේදී හෝ හිමිකම් පවරා ගන්නා බවට දැන්වීම් කරන අවස්ථාවේ දී යන දෙකෙන් පළමුව සිදුවන සිද්ධිය සිදුකරන අවස්ථාවේදී හිමිකම් පවරා ගන්නා ආයෝජනයේ වෙළඳපොළ අගයට අනුරූප විය යුතු වන අතර එම වන්දි, පහසුවෙන් මුදල් බවට පරිවර්තනය කරගත හැකි (උපලබ්ධ කරගත හැකි) විය යුතුය.

එවැනි වන්දි සඳහා, හිමිකම් පවරා ගන්නා ලද දින සිට ගෙවීම් සිදු කරන දින දක්වා වූ කාලය සඳහා ලිබර් (LIBOR) අනුපාතිකයට අනුව ගණනය කළ පොළී ද ඇතුලත් විය යුතුය.

ඉහත සඳහන් කළ සාධාරණ වෙළඳපොළ අගය ඒ අවස්ථාවේදී ම ලබා ගත නොහැකි නම්,

ප්‍රාග්ධන ආයෝජන, ආයෝජන කාලය, ආයෝජනය අලුතෙන් කිරීමට යන වියදම, පොත්ගත අගය යනාදී අදාළ සියලු සාධක හා අවස්ථානුගත කරුණු සැලකිල්ලට ගනිමින් සාධාරණ මූලධර්ම මත පිහිටා ලබාදිය යුතු වන්දිය තීරණය කළ යුතු වේ.

3. 1 හා 2 ඡේදවල කවරක් සඳහන් වුවද, ඉඩමක හිමිකම් පැවරීම සම්බන්ධයෙන් ගනු ලබන ඕනෑම තීරණයක් එවැනි හිමිකාරත්වය පැවරීමේ හා වන්දි ගෙවීමේ නියම පිළිබඳ, වූ හිමිකම් පවරාගනු ලබන පාර්ශවයේ නීති රීතිවලට යටත් විය යුතුය.

ගොඩනැගිලි සහ යටිතල පහසුකම් ද ඇතුළුව ඉඩමකට සවිකර ඇති වැඩිදියුණු කිරීම් සම්බන්ධයෙන් වන වන්දි ගෙවීම් ඉහත 1 හා 2 ඡේදයට අනුකූලව සිදුකළ යුතු වේ.

4. එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජනකයන්ට, මෙම වගන්තියෙහි සඳහන් මූලධර්මවලට සහ හිමිකම් පවරාගනු ලබන ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ නීතිරීති වලට අනුකූලව තම ආයෝජනය පවරා ගැනීම පිළිබඳව සහ ආයෝජනයෙහි වටිනාකම අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ අධිකරණ බලධාරියෙකු හෝ වෙනත් ස්වාධීන බලධාරියෙකු ලවා වහාම සමාලෝචනය කරවා ගැනීමේ අයිතිය හිමි වේ.

5. එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයකට නීති රීති යටතේ ව්‍යවස්ථාපිත හෝ ස්ථාපිත සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන්ට කොටස්, ණයකර හෝ වෙනත් ආකාර වූ සබඳතාවක් ඇති සමාගමක වත්කම්වල හිමිකම පළමු ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය මගින් පවරාගනු ලබන්නේ නම් එවැනි සමාගමක ඇති දෙවන පාර්ශවයේ හිමිකම් සම්බන්ධයෙන් මෙම වගන්තියේ විධිවිධාන අදාළ වේ.

7 වැනි වගන්තිය
ගෙවීම් වලට යම්බන්ධ ගෙවීම් පවරාදීම

1. එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක්, තම නිති රීතිවලට යටත්ව,

(අ) මූලික ප්‍රාග්ධනය සහ නඩත්තුව, කළමනාකරනය සහ ආයෝජන සංවර්ධනය සඳහා වන කවර හෝ අතිරේක ප්‍රාග්ධනයක් ;

(ආ) ලාභ,

(ඇ) ණය ගිවිසුමක් යටතේ ගෙවන ලද මූලික සහ උපචිත පොළි ගෙවීම්වලින් නිදහස් කිරීම ද ඇතුළුව කොන්ත්‍රාත්තුවක් යටතේ සිදු කරන ගෙවීමක් ;

(ඈ) 1 වැනි වගන්තියේ (ඇ) හි සඳහන් අයිතිවාසිකම් යම්බන්ධයෙන් හිමිකාර භාවය සහ ගාස්තු ;

(ඉ) ආයෝජනය සම්පූර්ණයෙන් හෝ ඉන් කොටසක් හෝ විකිණීමෙන් හෝ ඈවර කිරීමෙන් ලද මුදල් ;

(ඊ) ආයෝජනය සම්බන්ධයෙන් කටයුතු කරන විදේශිකයින්ගේ උපයා ගැනීම් හෝ අනෙකුත් ;

(උ) 5 හා 6 වගන්ති යටතේ වන වන්දි ගෙවීම්.

(ඌ) ආරවුල් සමථ කිරීමට අදාළ වන ගෙවීම් ;

වෙනත් ස්ථානයකට ප්‍රේෂණය කිරීම ඇතුළුව, තම දේශ සීමාව තුළට හා ඉන් පිටතට ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් වන ගෙවීම් ප්‍රේෂණය කර යැවීමේදී අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයන්ට නිදහසේ එම ප්‍රේෂණය කිරීම් සිදු කෙරෙන බව සහතික කළ යුතු වේ.

2. ප්‍රේෂණය කිරීම්, එය කරනු ලබන විනිමය සඳහා ප්‍රේෂණය කරන අගයේ සත්කාරක ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ තත් කාලීන විනිමය හුවමාරු වෙළඳ අනුපාතිකය අනුව සිදු කළ යුතු වේ.

3. 1 හා 2 ඡේදවලට පටහැනි නොවන සේ

(අ) බංකොළොත්භාවය, බුත්වත්වීම් හෝ ණයකරුවන්ගේ අයිතිවාසිකම් අපේක්ෂා කිරීම් හෝ,

(ආ) සුරුකුම්පත්, අනාගත දේපල විකල්ප හෝ වනුත්පන්න නිකුත් කිරීම, වෙළඳාම් කිරීම හෝ ගනුදෙනු කිරීම ;

(ඇ) සාපරාධී හෝ දඬුවම් පැනවිය හැකි වරදවල් අපරාධ මුදල් සොයා ගැනීම.

(ඈ) නීතිය බලාත්මක කරන හෝ මූල්‍ය පරීපාලන බලධාරීන්ට සහාය වීම සඳහා අවශ්‍ය අවස්ථාවලදී ප්‍රේෂණකිරීම් පිළිබඳ මූලික විස්තර වාර්තා කිරීම හෝ වාර්තා තබා ගැනීම.

(ඉ) අධිකරණ හෝ මූල්‍ය පරීපාලන වරිපනම් සම්බන්ධයෙන් වන රිින්දු හෝ නියෝග අනුගමනය කරන බවට සහතික කිරීම ;

(ඊ) බදු අය කිරීම ;

(ඇ) සමාජ සුරක්ෂණ, විශ්‍රාම ගැනීම් හෝ අනිවාර්යය ඉතිරි කිරීම් ව්‍යාපෘති ; සහ

(ඈ) සේවකයන්ගේ හිමිකම් විශේදනය කිරීම සම්බන්ධයෙන් තම නිතිරීති සාධාරණව, නොවෙනස්ව හා අවංකව යොදා ගැනීමෙන් ප්‍රේෂණය කිරීම වැලැක්වීමට හෝ ප්‍රමාණ කිරීමට පාර්ශවකරුවෙකුට කටයුතු කළ හැකිය.

4. 1 හා 2 පරිච්ඡේද වල එසේ සඳහන් වුවත්, බරපතල ගෙවීම් ශේෂ දුෂ්කරතා පවතිද්දි හෝ එසේ පවතින බවට තර්ජනයක් සිබියදි ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් වූ ගෙවීම් ප්‍රේෂණය කිරීම සම්බන්ධයෙන් පාර්ශවකරුවෙකු විසින් සීමා පනවනු ලැබිය හැකිය. මෙම ගිවිසුම මගින් අහාතික කර ඇති ගෙවීම් නිදහසේ ප්‍රේෂණය කිරීම කෙරෙහි අනියත බලපෑමක් ඇතිවීම අවම කිරීම සඳහා පනවන සීමා කිරීම් සාධාරණ නොවෙනස් හා අවංක ඒවා විය යුතුය.

8 වැනි වගන්තිය
ආදේශ කිරීම

1. එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් හෝ එහි නම් කළ නියෝජිතයෙක් (හානි පූරණය කරන පක්ෂය) අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ (සත්කාරක රාජ්‍යයේ) දේශ සීමාව තුල පිහිට ආයෝජනයක් සම්බන්ධයෙන් හානි පූරණය කිරීමක් හෝ ඇපයක් සඳහා කරනු ලබන ගෙවීමක් සිදු කරන්නේ නම් සත්කාරක රාජ්‍ය,

(අ) එවැනි ආයෝජනයක් සම්බන්ධයෙන් පැන නගින සියළු අයිතිවාසිකම් හෝ හිමිකම් නීතිය යටතේ හෝ නෛතික ගනුදෙනු අනුව හානි පූරණය කරන පක්ෂය වෙත ලබාදීම ;

(ආ) එවැනි සියළු අයිතිවාසිකම් ක්‍රියාත්මක කිරීමට සහ හිමිකම් බලාත්මක කිරීමට සහ ආදේශය යටතේ ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් වන සියළු වගකීම් ඉටු කිරීමටත් හානි පූරණය කරන පාර්ශවය සතු අයිතිවාසිකම් පිළිගත යුතු වේ.

2. (අ) 1 වන ඡේදයේ සඳහන් පැවරීම් අනුව අත් කරගත් අයිතිවාසිකම් හා හිමිකම් ද, පවරන ලද වගකීමක් ;

(ආ) අදාල ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් මෙම ගිවිසුම අනුව මුල් ආයෝජකයා ලැබීමට හිමිකම් පාන අයිතිවාසිකම් හා හිමිකම් වලට අනුකූලව සිදුකරන කවර හෝ ගෙවීමක් සඳහා සියළු අවස්ථාවලදී සමාන සැළකිලි ලැබීමට හානි පූරණය කරන පක්ෂයට හිමිකමක් තිබේ.

9 වැනි වගන්තිය
ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් හා ආයෝජකයෙකු අතර ඇති වන ආරවුල් විසඳීම

1. මෙම ගිවිසුම යටතේ තමන් විසින් කරනු ලබන ආයෝජන කටයුතු කළමණාකරනය කිරීම, එම කටයුතු පවත්වාගෙන යාම, මෙහෙයවීම, අලෙවි කටයුතු කිරීම හා වෙනත් ආකාරයේ කටයුතු කිරීම ආදියට අදාලව යුතුකම් පැහැර හැරීමක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයෙන් සිදු වී ඇතැයි ද, එම යුතුකම් පැහැර හැරීම තුළ තම ආයෝජන කටයුතු වලට පාඩුවක් හෝ හානියක් සිදුවී ඇතැයි ද එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක ආයෝජකයෙකු විසින් කරනු ලබන චෝදනාවක් හේතුකොට ගෙන, කෙලින්ම ආයෝජනයක් මුල් කරගෙන එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් සහ අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයෙකු අතර, පැන නගින ඕනෑම නෛතික අරගලයක්, හැකිතාක් දුරට දෙපාර්ශවය අතර කෙරෙන සාකච්ඡා තුළින් සමගියෙන් විසඳාගත යුතුය.

2. ආයෝජකයා විසින් ලිඛිත දැනුම් දීමක් මගින් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය වෙත ආරවුල ඉදිරිපත් කළ දින සිට මාස හයක් (06) තුළදී යම්කිසි ආරවුලක් සමගියෙන් බේරුම් කර ගැනීමට නොහැකි වුවහොත් එම ආරවුල,

(අ) ආයෝජනය කර ඇති දේශයේ ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ශක්නුවත් අධිකරණයට, හෝ

(ආ) පුරවැසියන් හා වෙනත් රාජ්‍යවල ජාතිකයින් අතර ආයෝජන ආරවුල් විසඳීම සඳහා 1965 මාර්තු මස 18 දින වොෂින්ටන් සම්මුතියෙහි දෙපාර්ශවයම පාර්ශවකරුවන් නම්, එම සම්මුතියට අනුව ස්ථාපනය කරන ලද ආයෝජන අරගල විසඳීමේ ජාත්‍යන්තර මධ්‍යස්ථානය වෙත ; හෝ

(ඇ) ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන්ගෙන් එක් පාර්ශවයක් පමණක් වොෂින්ටන් සම්මුතියේ පාර්ශවකරුවෙකු වේ නම්, මධ්‍යස්ථානයේ අතිරේක බේරුම් කිරීමේ පහසුකම් සඳහා ; හෝ

(ඈ) වෙනත් ආකාරයෙන් කටයුතු කිරීමට ආරවුලට සම්බන්ධ පාර්ශවකරුවන් ගිවිස ගෙන නැත්තේ නම්, ජාත්‍යන්තර වෙළඳ නීතිය පිළිබඳ එක්සත් ජාතීන්ගේ කොමිෂන් සභාවේ බේරුම් කිරීමේ නීති යටතේ පිහිටුවා ගත යුතු තත් කාර්යය බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවකට හෝ ඉදිරිපත් කළ යුතුය.

ඉහත සඳහන් ක්‍රියා පටිපාටිවලින් ඕනෑම ක්‍රියා මාර්ගයක් ආයෝජකයා විසින් තෝරා ගනු ලැබීමෙන් පසුව එම කාර්යය පටිපාටිය වෙනස් කිරීමට අවසර දෙනු නොලැබේ.

ආරවුල් බේරුම් කිරීම සම්බන්ධයෙන් මෙම ගිවිසුමේ සඳහන් කාර්යය පටිපාටි හැරුනු විට වෙනත් කාර්ය පටිපාටි අනුගමනය කිරීම සඳහා මෙම ගිවිසුමේ සඳහන් සෑම ජාතියකටම සමාන සැලකිල්ලක් දැක්වීම පිළිබඳ විධිවිධාන මගින් ස්ථිර වශයෙන්ම අවකාශ නොසැලසේ.

3. ඉහත 2 වැනි ඡේදය යටතේ ආරවුලක් බේරුම් කිරීම සඳහා ඉදිරිපත් කළ යුතු වන්නේ, මෙම ගිවිසුම යටතේ යුතුකම් පැහැර හැරීමක් සිදු වී ඇති බවක් හා එමගින් ආරවුල් ඉදිරිපත් කරන ආයෝජකයාට හෝ ඔහුගේ ආයෝජක කටයුතු වලට පාඩුවක් හෝ හානියක් සිදු වී ඇති බවක් ආරවුල ඉදිරිපත් කරන අයට දැන ගන්නට ලැබී හෝ හේතු සහගතව ඔහු දැනුවත්ව සිටිය යුතු යයි සලකනු ලබන දින සිට දැවුරුදු කාලයක් තුළදී එම ආරවුල හා විසඳනු ලබන්නේය යන කොන්දේසියට යටත්වය.

4. මෙම ගිවිසුමේ විධිවිධාන වලටද, ආයෝජනය සිදුකළ ; ආරවුලට සම්බන්ධ වූ ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශයේ බලපාන නීතිරීති වලටද, ආරවුල සම්බන්ධයෙන් එහි නීතිරීති අදාල ආයෝජනය සම්බන්ධයෙන් නිගමනය කළ ඇති විශේෂ ගිවිසුමක කොන්දේසිවලට ද, ජාත්‍යන්තර නීතියේ අදාල මූලධර්ම වලටද අනුකූලව බේරුම් කිරීමේ විනිශ්චය සභාව තීරණයකට එළඹිය යුතු වේ.

5. ආරවුල සම්බන්ධ අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ ආයෝජකයාට රජයෙන් හෝ ඇප ගිවිසුම් යටතේ හානිපූරක හෝ වෙනත් වන්දි ලැබී ඇති හෝ ලැබීමට නියමිතව ඇති හොයින්, සිදුවී ඇතැයි කියන පාඩු මියවීමක් වශයෙන්, ගිවිසුම්කාර පාර්ශවවලින් කුමන් හෝ පාර්ශවයකට බේරුම් කිරීමේ කටයුතු කෙරෙන කිසිම අවස්ථාවකදී හෝ බේරුම් කිරීමේදී ගන්නා ලද තීරණය ක්‍රියාවට නැංවීමේදී හෝ එසේ ඉල්ලීම් කිරීමේ හිමිකම් නොලැබිය යුතුය.

6. මෙම වගන්තියට ප්‍රකාරව කරනු ලබන බේරුම් කිරීමේ නියමයන් අවසාන නියමයන් වන අතර ආරවුලට සම්බන්ධ පාර්ශව එම නියමයන් පිළි ගැනීමට බැඳී සිටිති. නියමය සිදු කරන දේශයේ ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයේ දේශීය ජාතික නීතියට අනුකූලව ඒවා ක්‍රියාත්මක කළ යුතුය.

10 වැනි වගන්තිය

ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන් අතර ආරවුල් බේරුම් කිරීම

1. මෙම ගිවිසුමට අර්ථ නිරූපනය කිරීමේදී හා අදාල කර ගැනීමේදී යම්කිසි ආරවුලක් ඇති වෙතොත් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන්, හැකිතාක් දුරට සාකච්ඡා මාර්ගයෙන් හෝ වෙනත් රාජ්‍ය තාන්ත්‍රික මාර්ග මගින් එම ආරවුල් විසඳා ගත යුතුය.

2. ආරවුලක් බේරුම් කර ගැනීම සඳහා සාකච්ඡා කරන ලෙස ඕනෑම පාර්ශවයක්, රාජ්‍යතාන්ත්‍රික මාර්ග ඔස්සේ අනෙක් පාර්ශවයන් ඉල්ලීමක් කිරීමෙන් පසු මාස හයක කාලයක් තුළ එම ආරවුල් බේරුම් කර ගැනීමට නොහැකි වුවහොත් හා වෙනත් ආකාරයකින් ලිඛිත එකඟත්වයකට එළඹීමට ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන් අපොහොසත් වුවහොත්, අනෙක් පාර්ශවයකට ලිඛිතව දැනුම් දීමෙන් පසුව එම ආරවුල මෙම වගන්තියේ පහත දැක්වෙන විධිවිධාන වලට අනුකූලව තත්කාර්ය බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවකට ඉදිරිපත් කිරීමට ඕනෑම ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයකට අවකාශ තිබිය යුතුය.

3. එම බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාව පහත සඳහන් පරිදි පිහිටුවාගත යුතුය; එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය එක සාමාජිකයෙකු බැගින් සාමාජිකයින් දෙදෙනෙකු පත්කර ගත යුතු අතර ගිවිසුම්කාර පාර්ශව දෙක විසින් තෝරාගනු ලබන පාර්ශවයේ පුද්ගලයා පිළිබඳව විනිශ්චය සභාවේ සභාපති වශයෙන් පත්කර ගත යුතුයැයි දෙපාර්ශවයෙහි සාමාජිකයින් දෙදෙනා එකඟත්වයට එළඹිය යුතුය. ආරවුල, බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවකට ඉදිරිපත් කළ යුතුයැයි ඕනෑම ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයක් විසින් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයට දැනුම් දෙන ලද දින සිට මාස දෙකක් තුළදී දෙපාර්ශවයේ සාමාජිකයින් දෙදෙනා ද මාස හතරක් තුළදී සභාපතිවරයා ද පත් කර ගත යුතුය.

4. ඉහත 3 වැනි ඡේදයේ සඳහන් පරිදි නියමිත කාලසීමාවන් තුළදී බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවේ සාමාජිකයින් තෝරා පත්කර ගැනීමට නොහැකි වුවහොත් හා වෙනත් ආකාරයේ වැඩපිළිවෙලක් යොදා ගැනීමට නොහැකි වුවහොත් අවශ්‍ය පත්වීම් කරන ලෙස ජාත්‍යන්තර අධිකරණයේ සභාපතිවරයාගෙන් ඉල්ලා සිටීමට ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන් දෙකෙන් ඕනෑම එකකට අවකාශ තිබේ. ජාත්‍යන්තර අධිකරණයේ සභාපතිවරයා ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන් දෙකෙන් කිනම් පාර්ශවයකට හෝ අයත් ජාතිකයෙකු නම් හෝ වෙනත් හේතුවක් නිසා යටෝක්ත කාර්යය ඉටු කිරීමෙන් වැළකී සිටින්නේ නම් හෝ එම පත්වීම් කරන ලෙස ජාත්‍යන්තර අධිකරණයේ උප සභාපතිවරයාගෙන් ඉල්ලීමක් කළ හැකිය. ජාත්‍යන්තර අධිකරණයේ උප සභාපතිවරයා ද, ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයන් දෙකෙන් කිනම් පාර්ශවයකට හෝ අයත් ජාතිකයෙකු වේ නම් හෝ යටෝක්ත කාර්යය ඉටු කිරීමෙන් ඔහුද වැළකී සිටින්නේ නම් හෝ එම පත්වීම් ලබාදීමේ කාර්යය කරන ලෙස ජාත්‍යන්තර අධිකරණයේ සාමාජිකයින් අතරෙන් ඊළඟට ජ්‍යෙෂ්ඨතම සාමාජිකයාගෙන් ඉල්ලීමක් කළ යුතුය.

5. බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවේ තීරණය ගනු ලබන්නේ බහුතර ඡන්දයෙනි. මෙම ගිවිසුමට හා ජාත්‍යන්තර නීතියේ එම පිළිගත් නීතිරීති වලට අනුකූලව ගනු ලබන තීරණය අවසාන තීරණය වන අතර ඒවාට අනුව ක්‍රියා කිරීමට ගිවිසුම්කාර පාර්ශව බැඳී සිටිති. බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවේ සිය පාර්ශවය පත් කරන සාමාජිකයා පිළිබඳ වියදම්, බේරුම්කාර කාර්යයන්හිදී තම පාර්ශවය නියෝජනය කිරීම සම්බන්ධයෙන් වන වියදම් එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය විසින් දැරිය යුතු වේ. බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවේ සභාපතිවරයා පිළිබඳ වියදම් හා බේරුම්කාර කටයුතු පිළිබඳ වෙනත් වියදම් ද දෙපාර්ශවය විසින් සමසේ බෙදාගත යුතු වේ. කෙසේ වුවද, එම වියදම් වලින් වැඩි කොටසක් හෝ සම්පූර්ණ වියදම් තනිවම දරන ලෙස හෝ බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාව විසින් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවයකට නියම කරනු ලැබිය හැකිය. අනෙකුත් සියලම කරුණු සම්බන්ධයෙන්, බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාවේ කාර්යය පරිපාටි බේරුම්කාර විනිශ්චය සභාව විසින්ම තීරණය කරනු ලැබිය යුතුය.

11 වැනි වගන්තිය
වෙනත් නීති ක්‍රියාවේ යෙදවීම

මෙම ගිවිසුම යටතේ ආයෝජනය කිරීමෙන් ලැබෙන වාසි වලට වඩා වැඩි වාසි ලැබෙන අන්දමින් ආයෝජනය කිරීමට අනෙක් පාර්ශවයේ ආයෝජකයින්ට හිමකම් ලබාදෙන ආකාරයේ සාමාන්‍ය හෝ විශේෂ රීති මෙම ගිවිසුමට අමතරව පාර්ශවයන් අතර දැනට පවතින හෝ මින්මතු ඇති කරගන්නා ජාත්‍යන්තර ගිවිසුම්වල ඇතුළත්ව තිබේ නම් හා එලෙස ආයෝජනය කිරීම මෙම ගිවිසුම යටතේ කරන ආයෝජනයන්ට වඩා වාසිදායක වන්නේ නම් එම නීති මෙම ගිවිසුම යටතේ වන නීති වලට අමතරව ක්‍රියාත්මක විය යුතුය.

12 වන වගන්තිය
බලාත්මක වීම

මෙම ගිවිසුම බලාත්මක වීම සඳහා අවශ්‍ය වන එක් එක් පාර්ශවයේ ව්‍යවස්ථානුකූල අවශ්‍යතා සපිරුණ විට එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය විසින් ඒබ ව අනෙක් පාර්ශවයට ලිඛිතව දැනුම් දිය යුතු අතර පසුව එම දැනුම් දීම කරන පාර්ශවයේ නිවේදනය අනෙක් පාර්ශවයට ලැබී දින 13 කට පසු මෙම ගිවිසුම බලාත්මක වන්නේය.

13 වන වගන්තිය
වලංගුව පවත්නා කාලය හා අවසාන වීම

1. මෙම ගිවිසුම අවුරුදු 10 ක කාලයක් සඳහා බලාන්විතව හා වලංගුව පවතින අතර, මෙම වගන්තියේ (2) වැනි පරිච්ඡේදයට අනුකූලව අවසන් කළහොත් මිස එසේ නොමැති නම් අඛණ්ඩව වලංගුව පවතිනු ඇත.

2. එක් එක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය, මුල් වසර දහයේ (10) කාලසීමාව අවසානයේ හෝ ඉන් පසු ඕනෑම අවස්ථාවක හෝ එක් (1) වසරක ලිඛිත දැනුම් දීමක් අනෙක් ගිවිසුම්කාර පාර්ශවය වෙත කිරීමෙන් මෙම ගිවිසුම අවසන් කළ හැකිය.

3. මෙම ගිවිසුම අවසන් කළ දිනට පෙර කරන ලද හෝ ලබා ගන්නා ලද ආයෝජන සම්බන්ධයෙන් මෙම ගිවිසුමේ අනෙකුත් සියළුම වගන්ති පිළිබඳ විධිවිධාන මෙම ගිවිසුම අවසන් වන දින සිට අවුරුදු 10 ක කාලයක් තුල ක්‍රියාත්මකව පවතිනු ඇත.

මට සාක්ෂි වශයෙන්, ඒ ඒ ආණ්ඩු විසින් ඒ සඳහා යථා පරිදි බලය පවරන ලද, මෙහි පහත අත්සන් කළ තැනැත්තන් විසින් මෙ ගිවිසුම අත්සන් කරන ලදි.

සියලුම පාඨ එක හා සමානව බලාත්මක වන පරිදි වියටනාම, සිංහල සහ ඉංග්‍රීසි භාෂා වලින් පිටපත් දෙකකින් යුක්තව [illegible] දින [illegible] දී අත්සන් කරන ලදි.

අර්ථ දැක්වීමේ යම් අපහාසිතාවක් වෙතොත් ඉංග්‍රීසි පිටපත බලාත්මකව පවතියි.

වියට්නාම සමාජවාදී
ජනරජයේ ආණ්ඩුව වෙනුවෙන්

ශ්‍රී ලංකා ප්‍රජාතාන්ත්‍රික සමාජවාදී
ජනරජයේ ආණ්ඩුව වෙනුවෙන්